

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 371/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phước Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường X, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Trương Ngọc C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Phước Thanh T và anh Trương Ngọc C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên là Trương Nguyên Lan A, sinh ngày 11/7/2012 cho chị Nguyễn Phước Thanh T nuôi dưỡng.

- Anh Trương Ngọc C cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu Trương Nguyên Lan Anh thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.2. *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Phước Thanh T và anh Trương Ngọc C xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Phước Thanh T và anh Trương Ngọc C xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Phước Thanh T và anh Trương Ngọc C phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí giải quyết ly hôn, thỏa thuận nuôi con; anh C phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí giải quyết cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Phước Thanh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005767 ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
 - VKSND thành phố Huế;
 - Chi cục THADS TP Huế;
 - UBND phường P, Huế
- (Đăng ký kết hôn số 02, ngày 13/01/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án;

Lê Thúc Mỹ